

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 31-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Trung Dũng.

Bà Nguyễn Thị Huế.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Văn Quyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà:*
Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu N và bà: Phan Thị C; có vợ: Nguyễn Thị D và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Chưa có; nhân thân: Bản án số 04/2014/HSST ngày 06/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động xử phạt Nguyễn Hữu Q 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 03/4/2015 Q chấp hành xong án phạt tù; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/11/2017, chuyển tạm giam ngày 21/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn D, xã N, huyện K, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn X, phường L, thành phố H, tỉnh H.

2. Bà Phan Thị C, sinh năm 1960 (Có mặt).

Trú tại: thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/9/2017, Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1986, HKTT: thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh H, một mình điều khiển xe mô tô biển số 89H1-0065 (của ông Nguyễn Hữu N là bố đẻ của Q) đi đến xã N, huyện Kim Động, mục đích thấy nhà nào sơ sơ thì trộm cắp tài sản, khi đi Q có mang theo kìm. Đang đi trên đường DT 378 thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, Q thấy nhà ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1956, khóa cổng, không có người ở nhà, trong vườn có nhiều cây phong lan đẹp, Q đã dùng kìm cắt hàng rào lưới thép B 40, chui vào trộm cắp 04 cây phong lan Đại Châu, 01 cây phong lan Quế, 01 cây phong lan Hồ Điệp. Q đã bán 04 cây lan Đại Châu cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1978, được 400.000 đồng, số tiền này Q đã tiêu xài cá nhân hết. Q khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá số 41 ngày 18/10/2017 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự kết luận: Tổng trị giá 06 cây hoa lan trên trị giá là 2.550.000 đồng. Bị cáo nhất trí đối với kết luận định giá trên.

Đối với anh Phạm Văn T, người mua 04 cây phong lan Đại Châu của Q. Ban đầu anh T khai nhận khi mua có ý thức được số cây phong lan trên là do Q trộm cắp mà có nhưng sau đó anh T không thừa nhận và xác định: Khi gặp và mua cây phong lan thấy Q giống những người bán hoa rong bình thường và Q nói là hoa lan do trồng được đem bán nên anh T mua. Các cơ quan tiến hành tố tụng không làm rõ được nhận thức của anh T khi mua cây hoa phong lan của Q nên không có căn cứ xử lý anh T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về vật chứng: Ngày 04/10/2017 bị cáo đã giao nộp 01 cây phong lan Quế; 05/10/2017 anh T đã giao nộp 04 cây phong lan Đại Châu. Cơ quan điều tra huyện Kim Động xác định đây là tài sản của ông T nên đã trả cho ông T.

01 cây phong lan Hồ Điệp, 01 chiếc kìm và 01 bao tải Q đã làm rơi trong lúc đi đường, Cơ quan điều tra không quản lý được.

Đối với xe mô tô biển số 89H1-0065, xác định là xe của ông N, Q mượn đi nhưng trong quá trình sử dụng đã tự ý dùng vào việc phạm tội, ông N không biết,

khoảng đầu tháng 10/2017 ông N đã bán cho một người lạ mặt không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được xe mô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 22/11/2017 bà Phan Thị C (mẹ đẻ của Q) đã tự nguyện bồi thường khắc phục tài sản do Q trộm cắp không thu hồi được cho ông T là 1.000.000 đồng, ông T đã nhận và không đề nghị gì khác về dân sự. Tại phiên tòa Q xác định việc bà C (là mẹ của Q) dùng tiền của Q gửi bà C trước đây để bồi thường cho ông T, Q không biết nhưng Q nhất trí với việc làm trên của bà C và không có ý kiến gì.

Anh T yêu cầu buộc Q phải bồi thường trả anh số tiền mà anh đã đưa cho Q để mua cây phong lan là 400.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường trả anh T số tiền trên.

Tại Bản cáo trạng số 03/QĐ - VKS - HS ngày 04/01/2018, VKSND huyện Kim Động truy tố Nguyễn Hữu Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bà C trình bày: Mấy tháng trước bị cáo có đi làm và gửi tiền về cho bà, bà đã lấy số tiền 1.000.000 đồng trong số tiền bị cáo gửi bồi thường cho ông T.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản gồm: 04 cây phong lan Đại Châu, 01 cây phong lan Quế, 01 cây phong lan Hồ Điệp của ông Nguyễn Quang T. Tổng trị giá là 2.550.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (BL:26 - 28A, 32- 34, 63 – 67, 69,78 – 88). Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, g, p và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuyên bố: Nguyễn Hữu Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu Q từ 01 (một) năm đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải trả anh Phạm Văn T số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà người phải thi hành chưa thi hành hoặc chậm thi hành các khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền

chưa thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành . Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo : Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở lại cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 28/9/2017, bị cáo Nguyễn Hữu Q có hành vi trộm cắp tài sản gồm: 04 cây phong lan Đại Châu, 01 cây phong lan Quế, 01 cây phong lan Hồ Điệp tại nhà ông Nguyễn Quang T, ở thôn D, xã N, huyện K. Tài sản bị cáo trộm cắp được trị giá 2.550.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội.

- Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình ông T, bị cáo đã trộm cắp tài sản của ông T trị giá 2.550.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Sau khi Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Động khởi tố vụ án , khởi tố bị can, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 16/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động ra Quyết định truy nã số 01 đối với bị cáo, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật gây lo lắng, bất bình trong nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, ngày 20/11/2017 bị cáo đến cơ quan Công an phường Quỳnh Lôi , quận Hai Bà Trưng , TP Hà Nội đầu thú nên khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

+ Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn ; mẹ bị cáo là bà Phan Thị C đã dùng tài sản của bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị

hại; bố bị cáo là ông Nguyễn Hữu N là thương binh hạng 3/4; bị cáo đang phải nuôi ba con nhỏ; bị cáo sau khi bỏ trốn, đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điều 7 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Nhân thân: Ngày 06/3/2014 bị cáo đã bị Tòa án tuyên bố phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đã được xóa án tích, do vậy bị cáo là người có nhân thân xấu.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Vì vậy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe kẻ khác.

- Về hình phạt bổ sung : Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định : Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy, bị cáo đang nuôi ba con nhỏ, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý 04 cây phong lan Đại châu, 01 cây phong Lan Quế và đã trả lại ông T. Ông T không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Ông T đã nhận tiền bồi thường của bà C mẹ của bị cáo, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả anh 400.000 đồng mà anh đã mua 04 cây phong lan Đại Châu của bị cáo. Xét thấy, khi mua cây phong lan trên của bị cáo, anh T không biết số cây này là do bị cáo phạm tội mà có do vậy buộc bị cáo phải bồi thường trả anh T số tiền 400.000 đồng.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với Phạm Văn T có hành vi mua 04 cây phong lan Đại Châu của Q. Ban đầu anh T khai nhận khi mua có ý thức được số cây phong lan trên là do Q trộm cắp mà có nhưng sau đó anh T không thừa nhận và xác định: Khi gặp và mua cây phong lan thấy Q giống những người bán hoa rong bình thường và Q nói là hoa lan do trồng được đem bán nên anh T mua. Các cơ quan tiến hành tố tụng không làm rõ được nhận thức của anh T khi mua cây hoa phong lan của Q nên không xử lý anh T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải trả cho anh Phạm Văn T số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án , Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà người phải thi hành chưa thi hành hoặc chậm thi hành các khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành . Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự ; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; khoản 1 và 3 Điều 21 điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã (thị trấn) nơi người vắng mặt cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA Toà án tỉnh.
- VKSND huyện Kim Động.
- CA huyện Kim Động.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên.
- THADS huyện Kim Động.
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Nơi nhận:

- Phòng KTGD Toà án tỉnh
- VKSND huyện Kim Động;
- CA huyện Kim Động;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên;
- THADS huyện Kim Động.
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

